

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày 16 - 9 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hồng Đào và ông Nguyễn Đức Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2021, đối với Bị cáo:

Họ và tên: **VŨ ĐÌNH TH**, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 26 tháng 1 năm 2002; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: xóm M, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 9/12 Dân tộc: Mường;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Vũ Đình Q, sinh năm 1977 và bà: Hà Thị Thanh H, sinh năm 1982;

Vợ; Con: chưa có.

Tiền án; Tiền sự: không.

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/6/2021. Hiện Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho Bị cáo:* Ông Lã Thành C – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).

- *Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Thanh C, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu Đ, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Hà Văn Th1, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu T, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Khoảng 02 giờ, sáng ngày 21/4/2021 Vũ Đình Th một mình đi bộ từ cửa hàng Game tại khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ đến cửa hàng kinh doanh Điện thoại di động Út Nam ở cùng khu M do anh Nguyễn Thanh C, trú tại khu Đ, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ là chủ mục đích để trộm cắp tài sản. Cửa hàng này, anh C thuê nhà ở của bà Phan Thị Nh, để kinh doanh điện thoại di động.

Trên đường đi, Vũ Đình Th thấy gia đình anh Hà Văn Th1 đang xây nhà tại khu M, xã M, không có ai trông coi vật liệu xây dựng nên đã lấy trộm 02 thanh sắt đem theo đến cửa hàng điện thoại của anh C. Đến nơi, Th thấy cửa hàng sử dụng cửa Xếp và có 02 ổ khóa (01 ổ khóa ở trên và 01 ổ khóa ở dưới) nên đã dùng thanh sắt lấy được trước đó để phá khóa. Th phá được 01 khóa cửa phía trên và kéo được cửa sắt hở ra đủ để người chui vào được. Do khóa phía dưới không phá được nên khe cửa hẹp, Th đã cởi chiếc dây lưng quần đang đeo bỏ ra ngoài cửa cùng 02 thanh sắt để chui vào cửa hàng.

Vào được bên trong cửa hàng, Th sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại có bàn phím, không có Sim để làm đèn soi tìm tài sản để trộm cắp. Th thấy tủ kính để điện thoại di động không khóa nên đã mở cửa tủ lấy các tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20S sản xuất năm 2020 màu xám còn nguyên trong hộp, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A73 sản xuất năm 2020 màu xám và số tiền 700.000 VNĐ.

Sau khi lấy được tài sản, Th bỏ lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel của mình tại tủ kính trưng bày điện thoại của anh Th1 và đi ra ngoài bằng cửa phía sau của cửa hàng. Khi vừa trèo được ra ngoài thì Th nghe tiếng người trong nhà hô “Trộm, trộm”, nên đã chạy về hướng cầu Mỹ Thuận. Đến khu Đồng Thịnh, xã Minh Đài, Th gặp và bắt Taxi đi thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn. Th đã bán 02 chiếc điện thoại di động cho cửa hàng kinh doanh điện thoại di động của anh Phạm Tiến T và cửa hàng kinh doanh điện thoại di động của anh Nguyễn Thanh Đ tại thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn tổng cộng được 3.000.000 VNĐ. Th không nhớ bán chiếc điện thoại nào cho hai cửa hàng trên và số tiền do bán điện thoại mà có Th đã tiêu sài cá nhân hết.

Anh Phạm Tiến T và anh Nguyễn Thanh Đ đều cho rằng không quen biết Vũ Đình Th và đều không xác định được đã mua điện thoại di động của Th hay không nên không có căn cứ để xử lý và thu hồi tài sản. Mặt khác, không có căn cứ xác

định được Th đã bán chiếc điện thoại nào cho anh T và anh Đ. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tách sự việc ra, khi nào làm rõ, xử lý sau.

Vật chứng thu giữ: 02 thanh sắt có đặc điểm (01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.27m, đường kính 1.7cm hai đầu bằng và 01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.07m đường kính 3cm, một đầu vát một đầu có hàn 03 thanh sắt nhỏ đường kính 1.5cm dài 10cm); 01 chiếc thắt lưng giả da màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại có bàn phím, vỏ màu đen; 01 ổ khóa màu đen loại khóa Việt - Tiệp một đầu khóa bị bong chốt.

Trong quá trình điều tra, và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo đã khai nhận toàn bộ các hành vi chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên.

b) Các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 05/5/2021 và ngày 28/6/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện T ra Yêu cầu định giá tài sản đối với: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu SAMSUNG A20S sản xuất năm 2020; 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO A73 sản xuất năm 2020; 01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.27m, đường kính 1.7cm hai đầu bằng (Trọng lượng 2,26kg); 01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.07m, đường kính 3cm, một đầu vát một đầu có hàn 03 thanh sắt nhỏ đường kính 1.5cm, dài 10cm (Trọng lượng 6,07kg).

Tại Bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên huyện T số: 14/KL-ĐGTS ngày 06/5/2021 kết luận: 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu SAMSUNG A20S sản xuất năm 2020 trị giá 4.890.000 VNĐ, 01 chiếc ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO A73 sản xuất năm 2020 trị giá 4.500.000 VNĐ. Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại di động là: 9.390.000 VNĐ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 16/KL-ĐGTS ngày 06/7/2021 của Hội đồng định giá thường xuyên huyện T kết luận: 01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.27m, đường kính 1.7cm hai đầu bằng (Trọng Lượng 2,26kg) có trị giá: 42.900 VNĐ; 01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.07m, đường kính 3cm, một đầu vát một đầu có hàn 03 thanh sắt nhỏ đường kính 1.5cm, dài 10cm (Trọng lượng 6,07kg) trị giá: 115.300đ. Tổng trị giá 02 thanh sắt là: 158.200 VNĐ.

Ngày 21/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (nay viết tắt là BLHS năm 2015).

Ngày 17/6/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Vũ Đình Th về hành vi "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 BLHS năm 2015.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản là 02 thanh sắt của gia đình anh Hà Văn Th1, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã xử phạt vi phạm hành chính theo nghị định 167/2013/NĐ-CP, mức phạt 1.500.000đ vì cho rằng: Theo Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T thì trị giá 158.200đ. Do giá trị tài

sản dưới 2.000.000đ. Vì vậy hành vi của Th không cấu thành tội trộm cắp tài sản, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, đồng thời anh Hà Văn Th1 không đề nghị bị can Th phải bồi thường dân sự. Đến ngày 08/9/2021 Công an huyện T đã có Quyết định số 01/QĐ-HBQĐXP Hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính với lý do: Đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Thanh C yêu cầu Vũ Đình Th trả lại tài sản cho anh tổng số tiền: 10.090.000 VNĐ. Trong đó 02 chiếc điện thoại di động trị giá: 9.390.000 VNĐ và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là: 700.000 VNĐ. Ngoài ra, anh C không có yêu cầu gì khác.

Anh Hà Văn Th1, không yêu cầu được nhận lại tài sản bị Vũ Đình Th trộm cắp và không có yêu cầu gì khác đối với Bị cáo Th.

c) Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 16/CT – VKSTS ngày 19/8/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Vũ Đình Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015;

- Xử phạt Bị cáo Vũ Đình Th từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 17/6/2021).

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Th.

- *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015 và Điều 584, khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Vũ Đình Th có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Thanh C số tiền 10.090.000đ (mười triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bị cáo Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu để tiêu hủy các tài sản, đồ vật gồm: 02 thanh sắt có đặc điểm (01 thanh sắt tròn có kích thước dài 1,27m, đường kính 1,7cm hai đầu bằng và 01 thanh sắt tròn có kích thước dài 1,07m đường kính 3cm, một đầu vát một đầu có hàn 03 thanh sắt nhỏ đường kính 1,5cm dài 10cm) của anh Hà Văn Th1; 01 chiếc thắt lưng giả da màu đen đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại có bàn

phím không lắp thẻ sim mà chỉ có chức năng soi đèn là tài sản của Bị cáo Th; ổ khóa màu đen loại khóa Việt - Tiệp một đầu khóa bị bong chốt của anh Nguyễn Thanh C.

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc Bị cáo Vũ Đình Th phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 504.500đ (năm trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng, Bị cáo Th phải nộp 704.500đ (bảy trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng) tiền án phí sơ thẩm.

d, *Phát biểu của Người bào chữa cho Bị cáo*: Nhất trí với Bản cáo trạng truy tố Bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Bị cáo hình phạt tù có thời hạn ở mức thấp nhất của khung hình phạt là 06 tháng và cho Bị cáo được hưởng án treo.

đ, *Bị cáo nói lời sau cùng*: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 94/QĐ-XPHC ngày 21/7/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đối với Vũ Đình Th về hành vi trộm cắp tài sản là 02 thanh sắt của gia đình anh Hà Văn Th. Vì cho rằng: Theo Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T thì trị giá 158.200đ. Do giá trị tài sản dưới 2.000.000đ nên hành vi của Th không cấu thành tội trộm cắp tài sản đồng thời Th chưa có tiền án, tiền sự mà anh Hà Văn Th1 không đề nghị bị can Th phải bồi thường dân sự. Hội đồng xét xử, xét thấy là không phù hợp. Tuy nhiên, đến ngày 08/9/2021 Công an huyện T đã có Quyết định

số 01/QĐ-HBQĐXP Hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 94/QĐ-XPHC ngày 21/7/2021 đối với Vũ Đình Th với lý do: Đã có quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật xử lý vi phạm hành chính là phù hợp. Hội đồng xét xử, xét thấy phù hợp và đúng quy định.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên toà hôm nay, Bị cáo Vũ Đình Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với lời khai của Bị hại cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 2 giờ, sáng ngày 21/4/2021 tại khu Minh Tâm, xã Minh Đài, huyện T, tỉnh Phú Thọ lợi dụng đêm tối, và tài sản không có người trông coi nên Vũ Đình Th đã lấy các tài sản của anh Hà Văn Th1 gồm: 01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.27m, đường kính 1.7cm hai đầu bằng trị giá: 42.900 VNĐ và 01 thanh sắt tròn có chiều dài 1.07m, đường kính 3cm, một đầu vát một đầu có hàn 03 thanh sắt nhỏ đường kính 1.5cm, dài 10cm trị giá: 115.300 VNĐ (tổng trị giá tài sản Bị cáo trộm cắp của anh Th là: 158.200 VNĐ) và lấy các tài sản của cửa hàng kinh doanh điện thoại di động Út Nam do anh Nguyễn Thanh C làm chủ gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A20S sản xuất năm 2020 trị giá 4.890.000 VNĐ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A73 sản xuất năm 2020 trị giá 4.500.000 VNĐ và tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 700.000 (tổng trị giá tài sản Bị cáo trộm cắp của anh C là: 10.090.000 VNĐ).

Tổng cộng, trị giá tài sản Bị cáo đã chiếm đoạt của các Bị hại là 10.248.200 VNĐ.

Bị cáo đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức và làm chủ hành vi. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của Bị cáo Vũ Đình Th đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội*: Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi phạm tội của Bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- *Về nhân thân*: Theo kết quả xác minh của Cơ quan CSĐT Công an huyện T thì Bị cáo thường xuyên không có mặt tại địa phương, không ai biết Bị cáo làm gì, ở đâu. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Bị cáo đã đi khỏi địa phương nhằm trốn tránh sự phát hiện của Cơ quan điều tra.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, cần cho Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015;

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, không chịu học tập, lao động mà lại ham chơi và muốn hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác. Trước và sau khi thực hiện hành vi phạm tội Bị cáo thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không ai biết Bị cáo đi đâu, làm gì. Mặc dù lần phạm tội này của Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xong xét thấy, việc áp dụng các hình phạt khác và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa nên cần xử Bị cáo hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và ở mức thấp theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

- *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*". Theo kết quả xác minh của cơ quan CSĐT Công an huyện T thì Bị cáo ở chung với bố mẹ, không có tài sản riêng gì có giá trị. Vì vậy, cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là anh Hà Văn Th, không yêu cầu nhận lại tài sản mà Bị cáo đã chiếm đoạt và không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại là anh Nguyễn Thanh C, quá trình điều tra yêu cầu Bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh với số tiền là 10.090.000 VNĐ. Tại phiên tòa, Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh C. Tuy nhiên, do hiện nay Bị cáo không có tài sản riêng gì nên chưa có để bồi thường. Xét thấy, Bị cáo đã chiếm

đoạt, gây thiệt hại về tài sản cho anh C đến nay vẫn chưa bồi thường thiệt hại cho anh nên Bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của anh C là phù hợp. Vì vậy, cần buộc Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh C toàn bộ giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 10.090.000đ là phù hợp các điều: 584, 589 của Bộ luật dân sự.

Đối với anh Phạm Tiến T và anh Nguyễn Thanh Đ là những người Bị cáo khai đã bán điện thoại sau khi chiếm đoạt của anh C. Anh T và anh Đ đều cho rằng không quen biết Vũ Đình Th và đều không xác định được đã mua điện thoại di động của Th hay không nên không có căn cứ để xử lý và thu hồi tài sản. Mặt khác, không có cơ sở xác định chiếc điện thoại Th đã bán cho anh T và anh Đ. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã tách sự việc ra, khi nào làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 02 thanh sắt có đặc điểm (01 thanh sắt tròn có kích thước dài 1.27m, đường kính 1.7cm hai đầu bằng và 01 thanh sắt tròn có kích thước dài 1.07m đường kính 3cm, một đầu vát một đầu có hàn 03 thanh sắt nhỏ đường kính 1.5cm dài 10cm), là tài sản Bị cáo đã chiếm đoạt của anh Hà Văn Th1. Do anh Th1 không yêu cầu được nhận lại và là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 chiếc thắt lưng giả da màu đen đã cũ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại có bàn phím không lắp thẻ sim mà chỉ có chức năng soi đèn mà Bị cáo để tại hiện trường. Do Bị cáo không yêu cầu được nhận lại và là vật không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 ổ khóa màu đen loại khóa Việt - Tiếp một đầu khóa bị bong chốt, nay anh C không yêu cầu nhận lại và là vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Người bào chữa tại phiên tòa không phù hợp, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ kết tội, tội danh:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của BLHS năm 2015;

Tuyên bố Bị cáo Vũ Đình Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt Bị cáo Vũ Đình Th 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 17/6/2021.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo Vũ Đình Th.

3. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015 và Điều 584, khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Vũ Đình Th có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho anh Nguyễn Thanh C số tiền 10.090.000đ (mười triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bị cáo Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu để tiêu hủy các tài sản, đồ vật gồm:

- 02 thanh sắt có đặc điểm (01 thanh sắt tròn có kích thước dài 1,27m, đường kính 1,7cm hai đầu bằng và 01 thanh sắt tròn có kích thước dài 1,07m đường kính 3cm, một đầu vát một đầu có hàn 03 thanh sắt nhỏ đường kính 1,5cm dài 10cm) của anh Hà Văn Th1;
- 01 chiếc thắt lưng giả da màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, loại có bàn phím, vỏ màu đen là tài sản của Bị cáo Th;
- 01 ổ khóa màu đen loại khóa Việt - Tiệp một đầu khóa bị bong chốt của anh Nguyễn Thanh C.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 23/8/2021.

5. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Vũ Đình Th phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 504.500đ (năm trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự. Tổng cộng, Bị cáo Th phải nộp 704.500đ (bảy trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng) tiền án phí sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Trại tạm CA tỉnh Phú Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

